TRUNG TÂM CÔNG BÁO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.vn
13.03.2025 10:08:03 +07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 13/03/2025 10:05:24

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH QUẢNG NGÃI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 390 /QĐ-UBND | *Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 3 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 609/QĐ-BCT ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện lực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ các Quyết định: Số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 473/TTr-SCT ngày 10/3/2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết TTHC trong lĩnh vực điện lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I.

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC tại Phụ lục II.

**Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Sở Công Thương chịu trách nhiệm đăng tải công khai đầy đủ Danh mục, nội dung của từng TTHC trên Trang thông tin điện tử thành phần của Sở, niêm yết công khai tại cơ quan; trực tiếp thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC theo đúng quy định pháp luật; đăng nhập các TTHC được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; gửi nội dung cụ thể của TTHC được công bố đến Sở Khoa học và Công nghệ để thiết lập lên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và gửi Văn phòng UBND tỉnh để theo dõi, kiểm soát nội dung thực hiện.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử nội bộ giải quyết TTHC và cập nhật, đăng tải công khai nội dung cụ thể của TTHC được công bố trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố và phê duyệt tại Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 không được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTN;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC(htd).

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Phước Hiền**

**PHỤ LỤC II**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 390 /QĐ-UBND ngày 12 /3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

**Lưu ý quy cách thực hiện và quy ước viết tắt trong quy trình:**

- Khi chuyển hồ sơ giấy: Chuyển đầy đủ Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (*Mẫu số 01 - Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh*); Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu số 04 - Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh*) và kèm theo hồ sơ của công dân (*trong quy trình viết gọn là "Hồ sơ"*).

- Khi phân công xử lý hồ sơ, chuyển tiếp hồ sơ từ bộ phận này sang bộ phận khác xử lý:

Phải ký, ghi rõ tên người phân công/người chuyển tiếp, người nhận trên Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu 04*). Đồng thời, phải xử lý phân công/chuyển tiếp trên phần mềm điện tử, trùng khớp với việc chuyển trên Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu 04*).

- Xử lý việc dừng giải quyết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ còn thiếu thông tin, chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: Trong thời hạn quy định, kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan có thẩm quyền phải ban hành Thông báo bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ theo đúng mẫu (*Mẫu số 07 - Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh*); trừ trường hợp phát sinh bổ sung hồ sơ theo quy định pháp luật diễn ra sau bước B4.

+ Trường hợp không đủ cơ sở để giải quyết theo quy định: Ban hành Thông báo trả hồ sơ không giải quyết (*Mẫu số 08 - Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh*).

+ Việc ký ban hành thông báo Mẫu số 07, Mẫu số 08: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đang trực tiếp xử lý, thẩm định tại các bước của quy trình giải quyết thủ tục hành chính hoặc ủy quyền cho cơ quan, đơn vị cấp dưới có thẩm quyền trực tiếp ký ban hành thông báo.

- Quy ước viết tắt trong Quy trình giải quyết:

+ Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, viết tắt là: "*Mẫu số 01*".

+ Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, viết tắt là: "*Mẫu số 04*".

+ Thông báo bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ, viết tắt là : "*Mẫu số 07*".

+ Thông báo trả hồ sơ không giải quyết, viết tắt là: "*Mẫu số 08*".

+ Các bước trong quy trình, viết tắt là: "*B1, B2, B3...*".

+ Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, viết tắt là: "*Trung tâm*".

+ Sở Công Thương, viết tắt là: "*SCT*".

+ Phòng Quản lý năng lượng, viết tắt là: "*Phòng QLNL*".

+ Công chức được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, viết tắt là: "*Công chức tại Trung tâm*".

**1. Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp**

Thời gian giải quyết TTHC: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

| Sơ đồ các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| **B1: Nộp hồ sơ** | - Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.<br>- Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào Phần mềm.<br>- Quét scan, số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử. | Tổ chức, cá nhân, công chức tại Trung tâm | Trong giờ hành chính | - Mẫu số 01<br>- Mẫu số 04<br>- Hồ sơ<br>- Thành phần hồ sơ, tài liệu được sao chụp, chuyển thành tập tin điện tử phục vụ số hóa (nếu có) |
| **B2: Chuyển hồ sơ** | Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về SCT xử lý. | Công chức tại Trung tâm bàn giao hồ sơ giấy cho Bưu điện chuyển | 04 giờ làm việc | - Mẫu số 01<br>- Mẫu số 04<br>- Hồ sơ |
| **B3: Phân công xử lý hồ sơ** | Lãnh đạo SCT phân công cho Lãnh đạo Phòng QLNL xử lý:<br>- Trên phần mềm.<br>- Trên phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 04). | Lãnh đạo SCT | 02 giờ làm việc | - Mẫu số 04<br>- Hồ sơ |
| | Lãnh đạo Phòng QLNL phân công xử lý:<br>- Trên phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | Lãnh đạo phòng QLNL | 02 giờ làm việc | - Mẫu số 04 |

| Sơ đồ các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| | (Mẫu số 04).<br>- Trên phần mềm. | | | - Hồ sơ |
| **B4: Thực hiện xử lý, thẩm định** | Chuyên viên Phòng QLNL tham mưu xử lý, thẩm định hồ sơ theo quy định hiện hành. | Chuyên viên Phòng QLNL | 3,5 ngày làm việc | - Hồ sơ<br>- Mẫu số 07<br>- Mẫu số 08<br>- Báo cáo thẩm định<br>- Các văn bản liên quan (nếu có) |
| **B5: Tham mưu Lãnh đạo Sở phê duyệt** | Lãnh đạo Phòng QLNL thẩm tra, trình Lãnh đạo SCT. | Lãnh đạo Phòng QLNL | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ<br>- Báo cáo thẩm định<br>- Các văn bản liên quan (nếu có) |
| | Lãnh đạo SCT xem xét, ký phê duyệt văn bản thẩm định. | Lãnh đạo SCT | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ<br>- Báo cáo thẩm định<br>- Các văn bản liên quan (nếu có) |
| **B6: Phát hành và chuyển hồ sơ cho** | - Văn thư vào số văn bản, đóng dấu/ký số bản giấy/bản điện tử; phát hành, lưu hồ sơ theo quy định.<br>- Chuyển kết quả giải quyết TTHC (bản điện tử, | Văn thư Sở | 02 giờ làm việc | - Mẫu số 01<br>- Mẫu số 04<br>- Báo cáo thẩm định |

| Sơ đồ các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| **Trung tâm; Số hóa kết quả giải quyết** | bản giấy) cho chuyên viên trực tiếp tham mưu xử lý thực hiện số hóa, lưu kho theo quy định.<br>- Chuyển kết quả cho công chức tại Trung tâm. | | | - Hồ sơ |
| | Chuyên viên được phân công tham mưu xử lý hồ sơ tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC bản điện tử/bản giấy và thực hiện số hóa, lưu kho theo quy định. | Chuyên viên phòng QLNL | 02 giờ làm việc | - Kết quả giải quyết TTHC được số hóa, lưu kho<br>- Hồ sơ |
| **Tiếp nhận, luân chuyển và xử lý hồ sơ liên thông tại Văn phòng UBND tỉnh** | | | | |
| **B7: Tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm** | Trung tâm nhận hồ sơ liên thông, luân chuyển về Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh xử lý. | Trung tâm | 02 giờ làm việc | - Hồ sơ<br>- Báo cáo thẩm định<br>- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp |
| **B8: Phân công xử lý hồ sơ** | Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý hồ sơ. | Văn phòng UBND tỉnh | 02 giờ làm việc | - Phiếu chuyển |
| **B9: Xử lý hồ sơ** | Phòng Kinh tế ngành tham mưu xử lý. | Phòng Kinh tế ngành | 02 ngày làm việc | - Hồ sơ<br>- Tờ trình<br>- Dự thảo Quyết |

| Sơ đồ các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| | | | | định phê duyệt Danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp |
| **B10: Phê duyệt hồ sơ** | Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phê duyệt, trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định. | Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ<br>- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp |
| **B11: Xem xét, quyết định hồ sơ** | Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định. | Lãnh đạo UBND tỉnh | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ<br>- Quyết định phê duyệt Danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp |
| **B12: Phát hành và chuyển kết quả giải quyết** | - Phòng Hành chính - Quản trị vào số văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ.<br>- Chuyển kết quả giải quyết TTHC (*bản điện tử, bản giấy*) cho chuyên viên trực tiếp tham mưu xử lý thực hiện số hóa, lưu kho theo quy định.<br>- Chuyển kết quả giải quyết cho Trung tâm và gửi các cơ quan, đơn vị liên quan. | Phòng Hành chính – Quản trị, Văn phòng UBND tỉnh | 02 giờ làm việc | - Quyết định phê duyệt Danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp |
| **B13: Số hóa kết quả giải** | Chuyên viên được phân công tham mưu xử lý hồ sơ tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC bản điện | Phòng Kinh tế ngành | 02 giờ làm việc | Kết quả giải quyết TTHC được số hóa, |

| Sơ đồ các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| **quyết** | tử/bản giấy và thực hiện số hóa, lưu kho theo quy định. | | | lưu kho. |
| **B14: Trả kết quả giải quyết** | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.<br>- Ký xác nhận việc nhận kết quả trên Mẫu số 04.<br>- Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.<br>- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm Một cửa điện tử. | Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan, công chức tại Trung tâm | Trong giờ hành chính | - Thu lại Mẫu số 01<br>- Thu Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền) |

**2. Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp**

Thời gian giải quyết TTHC: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

| Sơ đồ các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| **B1: Nộp hồ sơ** | - Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.<br>- Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào Phần mềm.<br>- Quét scan, số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử. | Tổ chức, cá nhân, công chức tại Trung tâm | Trong giờ hành chính | - Mẫu số 01<br>- Mẫu số 04<br>- Hồ sơ<br>- Thành phần hồ sơ, tài liệu được sao chụp, chuyển thành tập tin điện tử phục vụ số hóa (nếu có) |
| **B2: Chuyển** | Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về SCT xử lý. | Công chức tại | 04 giờ làm việc | - Mẫu số 01 |

| Sơ đồ các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| **hồ sơ** | | Trung tâm bàn giao hồ sơ giấy cho Bưu điện chuyển | | - Mẫu số 04<br>- Hồ sơ |
| **B3: Phân công xử lý hồ sơ** | Lãnh đạo SCT phân công cho Lãnh đạo Phòng QLNL xử lý:<br>- Trên phần mềm.<br>- Trên phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 04). | Lãnh đạo SCT | 02 giờ làm việc | - Mẫu số 04<br>- Hồ sơ |
| | Lãnh đạo Phòng QLNL phân công xử lý:<br>- Trên phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 04).<br>- Trên phần mềm. | Lãnh đạo phòng QLNL | 02 giờ làm việc | - Mẫu số 04<br>- Hồ sơ |
| **B4: Thực hiện xử lý, thẩm định** | Chuyên viên Phòng QLNL tham mưu xử lý, thẩm định hồ sơ theo quy định hiện hành. | Chuyên viên Phòng QLNL | 3,5 ngày làm việc | - Hồ sơ<br>- Mẫu số 07<br>- Mẫu số 08<br>- Báo cáo thẩm định<br>- Các văn bản liên quan (nếu có) |
| **B5: Tham mưu Lãnh** | Lãnh đạo Phòng QLNL thẩm tra, trình Lãnh đạo SCT. | Lãnh đạo Phòng QLNL | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ<br>- Báo cáo thẩm định |

| Sơ đồ các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| **đạo Sở phê duyệt** | | | | - Các văn bản liên quan (nếu có) |
| | Lãnh đạo SCT xem xét, ký phê duyệt văn bản thẩm định. | Lãnh đạo SCT | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ<br>- Báo cáo thẩm định<br>- Các văn bản liên quan (nếu có) |
| **B6: Phát hành và chuyển hồ sơ cho Trung tâm; Số hóa kết quả giải quyết** | - Văn thư vào số văn bản, đóng dấu/ký số bản giấy/bản điện tử; phát hành, lưu hồ sơ theo quy định.<br>- Chuyển kết quả giải quyết TTHC (bản điện tử, bản giấy) cho chuyên viên trực tiếp tham mưu xử lý thực hiện số hóa, lưu kho theo quy định.<br>- Chuyển kết quả cho công chức tại Trung tâm. | Văn thư Sở | 02 giờ làm việc | - Mẫu số 01<br>- Mẫu số 04<br>- Báo cáo thẩm định<br>- Hồ sơ |
| | Chuyên viên được phân công tham mưu xử lý hồ sơ tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC bản điện tử/bản giấy và thực hiện số hóa, lưu kho theo quy định. | Chuyên viên phòng QLNL | 02 giờ làm việc | - Kết quả giải quyết TTHC được số hóa, lưu kho<br>- Hồ sơ |
| **Tiếp nhận, luân chuyển và xử lý hồ sơ liên thông tại Văn phòng UBND tỉnh** | | | | |
| **B7: Tiếp nhận hồ sơ tại Trung** | Trung tâm nhận hồ sơ liên thông, luân chuyển về Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh xử lý. | Trung tâm | 02 giờ làm việc | - Hồ sơ<br>- Báo cáo thẩm định |

| Sơ đồ các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| **tâm** | | | | - Dự thảo Quyết định điều chỉnh phê duyệt Danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp |
| **B8: Phân công xử lý hồ sơ** | Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý hồ sơ. | Văn phòng UBND tỉnh | 02 giờ làm việc | - Phiếu chuyển |
| **B9: Xử lý hồ sơ** | Phòng Kinh tế ngành tham mưu xử lý. | Phòng Kinh tế ngành | 02 ngày làm việc | - Hồ sơ<br>- Tờ trình<br>- Dự thảo Quyết định điều chỉnh phê duyệt Danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp |
| **B10: Phê duyệt hồ sơ** | Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phê duyệt, trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định. | Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ<br>- Dự thảo Quyết định điều chỉnh phê duyệt Danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp |
| **B11: Xem** | Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, quyết định. | Lãnh đạo UBND | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ |

| Sơ đồ các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| **xét, quyết định hồ sơ** | | tỉnh | | - Quyết định điều chỉnh phê duyệt Danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp |
| **B12: Phát hành và chuyển kết quả giải quyết** | - Phòng Hành chính - Quản trị vào số văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ.<br>- Chuyển kết quả giải quyết TTHC (*bản điện tử, bản giấy*) cho chuyên viên trực tiếp tham mưu xử lý thực hiện số hóa, lưu kho theo quy định.<br>- Chuyển kết quả giải quyết cho Trung tâm và gửi các cơ quan, đơn vị liên quan. | Phòng Hành chính – Quản trị, Văn phòng UBND tỉnh | 02 giờ làm việc | - Quyết định điều chỉnh phê duyệt Danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp |
| **B13: Số hóa kết quả giải quyết** | Chuyên viên được phân công tham mưu xử lý hồ sơ tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC bản điện tử/bản giấy và thực hiện số hóa, lưu kho theo quy định. | Phòng Kinh tế ngành | 02 giờ làm việc | Kết quả giải quyết TTHC được số hóa, lưu kho. |
| **B14: Trả kết quả giải quyết** | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.<br>- Ký xác nhận việc nhận kết quả trên Mẫu số 04.<br>- Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.<br>- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm Một cửa điện tử. | Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan, công chức tại Trung tâm | Trong giờ hành chính | - Thu lại Mẫu số 01<br>- Thu Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền) |

**PHỤ LỤC I**

**DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Công bố kèm theo Quyết định số 390 /QĐ-UBND ngày 12 / 3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

## I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm, cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp | 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, địa chỉ: Số 54 đường Hùng Vương, phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau:<br>- Trực tiếp.<br>- Qua dịch vụ bưu chính.<br>- Trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.quangngai.gov.vn/; https://dichvucong.gov.vn. | Không | Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực. |
| 2 | Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp | 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Địa điểm, cách thức thực hiện | Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1.013004.H48 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia | Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, địa chỉ: Số 54 đường Hùng Vương, phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau:<br>- Trực tiếp.<br>- Qua dịch vụ bưu chính.<br>- Trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.quangngai.gov.vn/; https://dichvucong.gov.vn. | Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới. | - Bổ sung căn cứ pháp lý của TTHC.<br>- Bổ sung Đối tượng thực hiện TTHC được quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.<br>- Bổ sung thành phần hồ sơ được quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ. |
| 2 | 1.013005.H48 | Điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia | | | - Bổ sung căn cứ pháp lý của TTHC.<br>- Bổ sung Đối tượng thực hiện TTHC được quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ. |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | - Bổ sung thành phần hồ sơ được quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ. |
| 3 | 2.002676.H48 | Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia | | | - Bổ sung căn cứ pháp lý của TTHC.<br>- Bổ sung Đối tượng thực hiện TTHC được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ. |